TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 98/2023/QĐST-HNGĐ	Hai Bà Trưng, ngày 17 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 29; khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 212 và Điều 213; Điều 396; Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 02 năm 2023;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **Chị Trần Thị Kiều D** – sinh năm 1971

Và Anh Đỗ Duy C, sinh năm: 1971

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 33, ngõ 9 M, phường T, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/12/1997 tại UBND phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Đây là kết hôn lần thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 33, ngõ 9 Minh Khai, phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm lối sống, tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng nói chuyện với nhau và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Hiện mặc dù sống cùng nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống, không ai quan tâm đến ai.

[2]. Về con chung:

Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Duy Anh, sinh ngày 21/03/1999 và Đỗ Duy Anh Vũ, sinh ngày 14/08/2005. Ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao con chung là Đỗ Duy Anh Vũ cho chị Dung trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Con chung Đỗ Duy Anh đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận, anh Chinh là người có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

[3]. Về tài sản chung và nhà ở chung:

Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung:

Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí:

Chị Trần Thị Kiều D tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

*** Về tình cảm:** Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C cùng thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Duy Anh, sinh ngày 21/03/1999 và Đỗ Duy Anh Vũ, sinh ngày 14/08/2005. Ly hôn, công nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao con chung Đỗ Duy Anh Vũ cho chị Trần Thị Kiều D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, kể ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (17/02/2023) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc tới khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận, anh Chinh là người có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng.

Anh Đỗ Duy C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

*** Về tài sản chung và nhà ở chung:**

Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C thống nhất xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

*** Về công nợ chung:**

Chị Trần Thị Kiều D và anh Đỗ Duy C thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án:

Chị Trần Thị Kiều D tự nguyện chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0013199 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND P.Đồng Tâm, HBT;
(Quyển số 01/1997, số 152)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Thanh Tú